TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GIÁ RAI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

Ông **Nguyễn Thành Nhạn**

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trần Công Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Đẹp – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 617/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc ***"Tranh chấp ly hôn"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T1 vắng mặt lần hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/7/2024, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Phạm Văn T1 xây dựng hôn nhân năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến

Tre. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên được một thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được do chị và anh T1 bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện tại tình cảm vợ chồng cũng không còn, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau hơn 01 năm nay, từ lúc ly thân đến nay chị và anh T1 không có gặp nhau hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng, nay chị xác định hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Phạm Văn T1.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T1 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phạm Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị T được ly hôn với anh T1; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí nguyên đơn phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Nguyễn Thị Huyền T yêu cầu ly hôn với Phạm Văn T1, anh T1 có địa chỉ tại thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1 là phù hợp quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 xây dựng hôn nhân năm 2020 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân ly hôn theo chị T trình bày là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện tại tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, trong thời gian ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, các bên cũng không có biện pháp hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Mặc khác anh T1 đã được Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ anh T1 không có thiện chí đoàn tụ, từ đó cho thấy hôn nhân của chị T và anh T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị T được ly hôn với anh T1.

[4] Về con chung: Các đương sự thống nhất không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết

[5] Về tài sản chung, nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với Phạm Văn T1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp 300.000đ; chị T đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009371 ngày 07/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND thị xã Giá Rai;
- Chi cục THADS thị xã Giá Rai;
- UBND xã Định Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Văn Cung